

**CÔNG TY CỔ PHẦN DATOCHAIN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DATOCHAIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DATOCHAIN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DATOCHAIN .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109149054

**3. Ngày thành lập:** 01/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6, ngõ 184, phố Hoa Bằng, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                      | 2610        |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                       | 2620        |
| 3.  | Sản xuất đồ chơi, trò chơi<br>(trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)<br>; | 3240        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh                                                          | 4649        |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                             | 4651        |
| 6.  | Xuất bản phần mềm<br>(trừ hoạt động xuất bản phẩm) Chi tiết: sản xuất phần mềm                                                                                  | 5820(Chính) |
| 7.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                        | 5911        |
| 8.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các điểm truy cập internet<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông                                             | 6190        |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                           | 6201        |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                             | 6202        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                 | 6209        |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                              | 6311        |
| 13. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                       | 6312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                              | 6399 |
| 15. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động tư vấn tài chính, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, pháp luật)<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                 | 6619 |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ hoạt động tư vấn kế toán, pháp luật, tài chính)                                                                                                                                                                                              | 7020 |
| 17. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                | 7120 |
| 18. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                  | 7211 |
| 19. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                     | 7212 |
| 20. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm);                                                                                                                                                                       | 7320 |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế đồ họa                                                                                                                                                                                                                   | 7410 |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)                                                                                                                          | 7730 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh                                                                                                                                       | 8299 |
| 24. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559 |
| 25. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                       | 8560 |
| 26. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                     | 9511 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 50.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO PHƯƠNG ANH   | Số 189 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 15.000     | 150.000.000           | 30,000    | 001183006019                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 15.000     | 150.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN TIỀN THẠO | Xóm Ngang, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 5.000      | 50.000.000            | 10,000    | 001096009551                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 5.000      | 50.000.000            | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                        |                           |        |             |        |                  |
|---|-----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | ĐÀO THÀNH CHUNG | Tổ 11, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 40,000 | 0010880205<br>21 |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                        | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 40,000 |                  |
|   |                 |                                                                        |                           |        |             |        |                  |
| 4 | TRẦN THỂ HIỀN   | Thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 20,000 | 0010930090<br>40 |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                        | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 20,000 |                  |
|   |                 |                                                                        |                           |        |             |        |                  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN THẠO

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/01/1996*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001096009551*

Ngày cấp: *28/06/2016*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DKQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Ngang, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Ngang, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội